

Số: 1012/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung, điều chỉnh, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 3)

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông báo số 1348/TB-TTKQH ngày 16 tháng 8 năm 2022 về Kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho danh mục dự án đã hoàn thiện thủ tục đầu tư và bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương (đợt 3);

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 550 /TTr-BKHĐT ngày 23 tháng 8 năm 2022;

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 (đợt 3)

1. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 ngành giao thông của Bộ Giao thông vận tải là 31.396 tỷ đồng; đồng thời điều chỉnh tăng tương ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các địa phương, gồm: Thành phố Hà Nội là 8.400 tỷ đồng, Hưng Yên là 3.740 tỷ đồng, Bắc Ninh là 2.110 tỷ đồng, Thành phố Hồ Chí Minh là 10.627 tỷ đồng, Đồng Nai là 856 tỷ đồng, Bình Dương là 4.266 tỷ đồng và Long An là 1.397 tỷ đồng.

2. Giao bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là các bộ, cơ quan trung ương) và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là các địa phương) tại các Phụ lục kèm theo.



3. Giao danh mục, mức vốn ngân sách trung ương bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho từng dự án, nhiệm vụ tại các Phụ lục kèm theo.

**Điều 2.** Triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025

1. Các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, danh mục dự án và mức vốn ngân sách trung ương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được giao tại Điều 1 Quyết định này:

a) Thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công, chi tiết danh mục dự án và mức vốn ngân sách trung ương bố trí cho từng dự án, nhiệm vụ, bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

b) Căn cứ khả năng cân đối vốn hàng năm, ưu tiên bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp; chỉ bố trí vốn cho các dự án khởi công mới sau khi đã bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm hoàn thành sớm các dự án này, phát huy hiệu quả đầu tư, giảm tối đa thời gian bố trí vốn của dự án.

c) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, danh mục dự án và mức vốn bố trí cho từng dự án bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và các địa phương triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 theo quy định Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

3. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao về quản lý nhà nước đối với đầu tư công chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

**Điều 3.** Thời hạn báo cáo kết quả thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

1. Báo cáo của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương về việc thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 9 năm 2022.

2. Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ có liên quan.


**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương được giao, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Thủ tướng, các PTTgCP;
- Các bộ, cơ quan trung ương nêu tại Điều 1;
- HĐND, UBND các tỉnh nêu tại Điều 1;
- Đoàn ĐBQH các tỉnh nêu tại Điều 1;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, CN, NN, KGVX, NC, QHQT, QHĐP;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). 55

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**



*Le Minh Khai*

**Lê Minh Khai**





**Phụ lục**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ động XDCB
	<b>Tổng số</b>			<b>85.000</b>	<b>85.000</b>	<b>84.000</b>			
	<b>Bộ Kế hoạch và Đầu tư</b>			<b>85.000</b>	<b>85.000</b>	<b>84.000</b>			
<b>I</b>	<b>Công nghệ thông tin</b>			<b>40.000</b>	<b>40.000</b>	<b>39.500</b>			
	<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>			<b>40.000</b>	<b>40.000</b>	<b>39.500</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>40.000</b>	<b>40.000</b>	<b>39.500</b>			
<b>-</b>	<b>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025</b>			<b>40.000</b>	<b>40.000</b>	<b>39.500</b>			
(1)	Xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về phát triển doanh nghiệp	36683	743/QĐ-BKHĐT ngày 01/04/2022	40.000	40.000	39.500			
<b>II</b>	<b>Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).</b>			<b>45.000</b>	<b>45.000</b>	<b>44.500</b>			
	<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>			<b>45.000</b>	<b>45.000</b>	<b>44.500</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>45.000</b>	<b>45.000</b>	<b>44.500</b>			
<b>-</b>	<b>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025</b>			<b>45.000</b>	<b>45.000</b>	<b>44.500</b>			
(1)	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại 6B Hoàng Diệu (nhà B, D, hạ tầng kỹ thuật trong khuôn viên trụ sở)	32470	1237/QĐ-BKHĐT ngày 29/6/2022	45.000	45.000	44.500			



Phụ lục I



**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 56/2022/QH15 và Nghị quyết số 57/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>304.104.741</b>	<b>31.396.000</b>	<b>272.708.741</b>
1	Vốn trong nước	273.427.800	31.396.000	242.031.800
2	Vốn nước ngoài	30.676.941		30.676.941

Phụ lục I.A

**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021			Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 56/2022/QH15 và Nghị quyết số 57/2022/QH15 của Quốc hội	Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 sau điều chỉnh		
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>304.104.741</b>	<b>273.427.800</b>	<b>30.676.941</b>	<b>31.396.000</b>	<b>272.708.741</b>	<b>242.031.800</b>	<b>30.676.941</b>
1	Quốc phòng	482	482			482	482	
2	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	81.557	81.557			81.557	81.557	
3	Khoa học, công nghệ	6.400	6.400			6.400	6.400	
4	Các hoạt động kinh tế	303.866.302	273.189.361	30.676.941	31.396.000	272.470.302	241.793.361	30.676.941
-	<i>Giao thông</i>	<i>303.710.993</i>	<i>273.034.052</i>	<i>30.676.941</i>	<i>31.396.000</i>	<i>272.314.993</i>	<i>241.638.052</i>	<i>30.676.941</i>
-	<i>Công nghệ thông tin</i>	<i>135.000</i>	<i>135.000</i>			<i>135.000</i>	<i>135.000</i>	
-	<i>Quy hoạch</i>	<i>20.309</i>	<i>20.309</i>			<i>20.309</i>	<i>20.309</i>	
5	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội	150.000	150.000			150.000	150.000	





**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ động XDCh
	<b>Tổng số</b>			<b>148.816.000</b>	<b>148.586.000</b>	<b>48.494.587</b>			
	<b>Bộ Giao thông vận tải</b>			<b>148.816.000</b>	<b>148.586.000</b>	<b>48.494.587</b>			
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>			<b>148.816.000</b>	<b>148.586.000</b>	<b>48.494.587</b>			
	<b>Dự án quan trọng quốc gia</b>			<b>146.990.000</b>	<b>146.990.000</b>	<b>46.911.587</b>			
a	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>146.990.000</b>	<b>146.990.000</b>	<b>46.911.587</b>			
-	<b>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025</b>			<b>146.990.000</b>	<b>146.990.000</b>	<b>46.911.587</b>			
(1)	Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025	37107	44/2022/QH15 11/01/2022	146.990.000	146.990.000	46.911.587			
	<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>			<b>1.826.000</b>	<b>1.596.000</b>	<b>1.583.000</b>			
a	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>1.826.000</b>	<b>1.596.000</b>	<b>1.583.000</b>			
-	<b>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025</b>			<b>1.826.000</b>	<b>1.596.000</b>	<b>1.583.000</b>			
(1)	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 8C đoạn từ Thiên Cẩm - Quốc lộ 1 và đoạn từ Quốc lộ 8 đến đường Hồ Chí Minh, tỉnh Hà Tĩnh	33928	268/QĐ-BGTVT 03/03/2022	1.076.000	846.000	836.000			
(2)	Đầu tư nâng cấp mặt đường tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi trên địa phận thành phố Cần Thơ và tỉnh Kiên Giang	36860	153/QĐ-BGTVT 25/01/2022	750.000	750.000	747.000			



**Phụ lục**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ động XDCCB
	<b>Tổng số</b>			<b>115.382</b>	<b>115.382</b>	<b>115.382</b>			
	<b>Bộ Khoa học và Công nghệ</b>			<b>115.382</b>	<b>115.382</b>	<b>115.382</b>			
<b>I</b>	<b>Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp</b>			<b>115.382</b>	<b>115.382</b>	<b>115.382</b>			
	<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>			<b>115.382</b>	<b>115.382</b>	<b>115.382</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>115.382</b>	<b>115.382</b>	<b>115.382</b>			
<b>-</b>	<b>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025</b>			<b>115.382</b>	<b>115.382</b>	<b>115.382</b>			
(1)	Dự án Đầu tư xây dựng Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo	29935	189/QĐ-BKH-CN ngày 25/2/2022	115.382	115.382	115.382			



Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>521.170</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	521.170

Phụ lục I.A

**BỘ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>521.170</b>
	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	521.170





Phụ lục II

**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI - VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025					Ghi chú			
							TMĐT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số		Trong đó:		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt						
							Tổng số	Trong đó		Đưa vào cân đối NSTW			Trong đó						
								NSTW	NSDP		Vay lại	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW						
	<b>Tổng số</b>						2.153.508	301.028	126.271	174.757		1.852.480	1.852.480		521.170		521.170		
	<b>Bộ Giáo dục và Đào tạo</b>						2.153.508	301.028	126.271	174.757		1.852.480	1.852.480		521.170		521.170		
I	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						2.153.508	301.028	126.271	174.757		1.852.480	1.852.480		521.170		521.170		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						2.153.508	301.028	126.271	174.757		1.852.480	1.852.480		521.170		521.170		
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						2.153.508	301.028	126.271	174.757		1.852.480	1.852.480		521.170		521.170		
(1)	Dự án Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2	37963	ADB	23/01/2015	30/09/2023	358/QĐ-TTg (10/3/2014), 405/QĐ-TTg (19/3/2021), 1340/QĐ-BGDĐT (20/5/2022)	2.153.508	301.028	126.271	174.757	80 triệu USD	1.852.480	1.852.480		521.170		521.170		



**Phụ lục**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ động XDCB
	<b>Tổng số</b>			<b>2.504.200</b>	<b>2.103.000</b>	<b>1.721.000</b>			
	<b>Bộ Y tế</b>			<b>2.504.200</b>	<b>2.103.000</b>	<b>1.721.000</b>			
<b>I</b>	<b>Y tế, dân số và gia đình</b>			<b>2.504.200</b>	<b>2.103.000</b>	<b>1.721.000</b>			
	<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>			<b>2.504.200</b>	<b>2.103.000</b>	<b>1.721.000</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>2.504.200</b>	<b>2.103.000</b>	<b>1.721.000</b>			
-	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025</i>			<i>921.270</i>	<i>580.000</i>	<i>580.000</i>			
(1)	Dự án xây dựng, nâng cấp và cải tạo Bệnh viện Trung ương Thái Nguyên (giai đoạn II)	32568	5720/QĐ-BYT ngày 17/12/2021	180.000	160.000	160.000			
(2)	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo và nâng cấp Bệnh viện Châm cứu Trung ương	32565	5497/QĐ-BYT ngày 30/11/2021	180.000	160.000	160.000			
(3)	Dự án đầu tư xây dựng mới Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố Hồ Chí Minh	36604	1157/QĐ-BYT ngày 12/5/2022	180.000	180.000	180.000			
(4)	Dự án xây dựng Trung tâm pháp y tâm thần khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2	36607	1156/QĐ-BYT ngày 12/5/2022	30.000	30.000	30.000			
(5)	Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo và mở rộng Bệnh viện Trung ương Huế cơ sở 2	37116	5501/QĐ-BYT ngày 30/11/2021	351.270	50.000	50.000			
-	<i>Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025</i>			<i>1.582.930</i>	<i>1.523.000</i>	<i>1.141.000</i>			
(1)	Dự án xây dựng Trung tâm chăm sóc, khám và điều trị chất lượng cao cho cán bộ - Bệnh viện Thống Nhất	32562	5719/QĐ-BYT ngày 17/12/2021	785.930	726.000	546.000			
(2)	Dự án xây dựng Trung tâm chăm sóc, khám và điều trị chất lượng cao cho cán bộ Bệnh viện Hữu Nghị	32560	5970/QĐ-BYT ngày 31/12/2021	797.000	797.000	595.000			




*Tỉnh Lạng Sơn*

**Phụ lục I**

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*



STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>48.006</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>48.006</b>

Tỉnh Lạng Sơn

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>48.006</b>
1	Các hoạt động kinh tế	48.006
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Giao thông</i>	<i>48.006</i>





**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ động XDCB
	<b>Tổng số</b>			<b>151.291</b>	<b>151.291</b>	<b>151.291</b>			
	<b>Lạng Sơn</b>			<b>151.291</b>	<b>151.291</b>	<b>151.291</b>			
<b>I</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>			<b>151.291</b>	<b>151.291</b>	<b>151.291</b>			
	<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>			<b>151.291</b>	<b>151.291</b>	<b>151.291</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>151.291</b>	<b>151.291</b>	<b>151.291</b>			
<b>-</b>	<b>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025</b>			<b>151.291</b>	<b>151.291</b>	<b>151.291</b>			
(1)	Hệ thống trạm bơm điện Bản Chúc, huyện Văn Lãng, Văn Quan	36523	227/QĐ-UBND ngày 29/01/2022	151.291	151.291	151.291			



**Phụ lục III**  
**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NƯỚC NGOÀI**  
**(VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú						
						TMĐT			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số		Trong đó:					
						Trong đó: vốn NSTW				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án				Bổ sung từ số vốn Thủ tướng Chính phủ chưa giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án (trong tổng số vốn Thủ tướng đã giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương)	Bổ sung số vốn còn lại Quốc hội chưa phân bổ cho bộ, cơ quan trung ương tại Nghị quyết 29/2021/QH15				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng									Quy đổi ra tiền Việt					Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
							Tổng số	NSTW								NSDP	Tính bằng nguyên tệ					Tổng số	Đưa vào		
	<b>Tổng số</b>					331.290	43.950	43.950		287.340	258.606	28.734	21.060					48.006	69.066	69.066					
	<b>Lạng Sơn</b>					331.290	43.950	43.950		287.340	258.606	28.734	21.060					48.006	69.066	69.066					
	Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước					331.290	43.950	43.950		287.340	258.606	28.734	21.060					48.006	69.066	69.066					
a	<b>Giao thông</b>					331.290	43.950	43.950		287.340	258.606	28.734	21.060					48.006	69.066	69.066					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C					331.290	43.950	43.950		287.340	258.606	28.734	21.060					48.006	69.066	69.066					
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					331.290	43.950	43.950		287.340	258.606	28.734	21.060					48.006	69.066	69.066					
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					331.290	43.950	43.950		287.340	258.606	28.734	21.060					48.006	69.066	69.066					
(1)	Dự án LRAMP - Hợp phần 1: Khôi phục, cải tạo đường địa phương	1861	WB			2529/QĐ-TTg ngày 21/12/2015; 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016; 46/QĐ-TTg ngày 13/01/2022; 462/QĐ-BGTVT ngày 07/4/2022	331.290	43.950	43.950		287.340	258.606	28.734	21.060					48.006	69.066	69.066				



Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>119.700</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>119.700</b>



**Phụ lục I.A**

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>119.700</b>
2	Các hoạt động kinh tế	119.700
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Giao thông</i>	<i>119.700</i>







**Phụ lục**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ động XD/CB
	<b>Tổng số</b>			<b>7.997.948</b>	<b>7.997.948</b>	<b>1.152.000</b>			
	<b>Điện Biên</b>			<b>7.997.948</b>	<b>7.997.948</b>	<b>1.152.000</b>			
<b>I</b>	<b>Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật</b>			<b>7.997.948</b>	<b>7.997.948</b>	<b>1.152.000</b>			
	<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>			<b>7.997.948</b>	<b>7.997.948</b>	<b>1.152.000</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025</b>			<b>7.071.948</b>	<b>7.071.948</b>	<b>226.000</b>			
<b>-</b>	<b>Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025</b>			<b>7.071.948</b>	<b>7.071.948</b>	<b>226.000</b>			
(1)	Dự án di dân tái định cư thủy điện Sơn La	12799	số 2009/QĐ-TTg ngày 04/11/2013 của TTCP; Văn bản số 10122/VPCP-KTTH ngày 02/12/2015 của VPCP	7.071.948	7.071.948	226.000			
<b>b</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>926.000</b>	<b>926.000</b>	<b>926.000</b>			
<b>-</b>	<b>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025</b>			<b>926.000</b>	<b>926.000</b>	<b>926.000</b>			
(1)	Ôn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Sơn La, tỉnh Điện Biên	32746	93/NQ-HĐND, 16/6/2022	926.000	926.000	926.000			



Thành phố Hà Nội

Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>8.400.000</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (*)</b>	<b>8.400.000</b>

Ghi chú: (\*) Từ nguồn vốn điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí cho Bộ Giao thông vận tải theo Nghị quyết số 56/2022/QH15 của Quốc hội.



Thành phố Hà Nội

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>8.400.000</b>
10	Các hoạt động kinh tế	8.400.000
-	<i>Giao thông</i>	<i>8.400.000</i>



**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ động XDCB
	<b>Tổng số</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>8.400.000</b>			
	<b>Thành phố Hà Nội</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>8.400.000</b>			
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>8.400.000</b>			
	<b>Dự án quan trọng quốc gia</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>8.400.000</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>8.400.000</b>			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	38102	56/2022/QH15	85.813.000	28.173.000	8.400.000			

Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.740.000</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (*)</b>	<b>3.740.000</b>

*Ghi chú: (\*) Từ nguồn vốn điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí cho Bộ Giao thông vận tải theo Nghị quyết số 56/2022/QH15 của Quốc hội.*



Tỉnh Hưng Yên

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>3.740.000</b>
10	Các hoạt động kinh tế	3.740.000
-	<i>Giao thông</i>	<i>3.740.000</i>



## Phụ lục II

**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN  
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ động XDCB
	<b>Tổng số</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>3.740.000</b>			
	<b>Hưng Yên</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>3.740.000</b>			
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>3.740.000</b>			
	<b>Dự án quan trọng quốc gia</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>3.740.000</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>3.740.000</b>			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	38103	56/2022/QH15	85.813.000	28.173.000	3.740.000			

Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.110.000</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (*)</b>	<b>2.110.000</b>

*Ghi chú: (\*) Từ nguồn vốn điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí cho Bộ Giao thông vận tải theo Nghị quyết số 56/2022/QH15 của Quốc hội.*



Tỉnh Bắc Ninh



**Phụ lục I.A**

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>2.110.000</b>
10	Các hoạt động kinh tế	2.110.000
-	<i>Giao thông</i>	<i>2.110.000</i>



## Phụ lục II

**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN  
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ động XDCh
	<b>Tổng số</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>2.110.000</b>			
	<b>Bắc Ninh</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>2.110.000</b>			
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>2.110.000</b>			
	<b>Dự án quan trọng quốc gia</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>2.110.000</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>85.813.000</b>	<b>28.173.000</b>	<b>2.110.000</b>			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội	38104	56/2022/QH15	85.813.000	28.173.000	2.110.000			

Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>15.098</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>15.098</b>



Tỉnh Nam Định



Phụ lục I.A

**BỘ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>15.098</b>
1	Các hoạt động kinh tế	15.098
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Giao thông</i>	<i>15.098</i>



Phụ lục II

ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 (Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Nam Định

Đơn vị tính: Triệu đồng

Table with columns: STT, Danh mục dự án, Mã dự án, Nhà tài trợ, Ngày ký kết hiệp định, Ngày kết thúc Hiệp định, Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành, Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư, Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao, Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025, Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung, Ghi chú. Includes sub-headers for TMDT, Trong đó: vốn NSTW, Vốn đối ứng, Vốn nước ngoài (theo Hiệp định), and Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW.



Thành phố Đà Nẵng

Phụ lục  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN  
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ động XDCB
	<b>Tổng số</b>			<b>263.252</b>	<b>220.097</b>	<b>220.097</b>			
	<b>Thành phố Đà Nẵng</b>			<b>263.252</b>	<b>220.097</b>	<b>220.097</b>			
<b>I</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>			<b>120.097</b>	<b>120.097</b>	<b>120.097</b>			
	<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>			<b>120.097</b>	<b>120.097</b>	<b>120.097</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>120.097</b>	<b>120.097</b>	<b>120.097</b>			
-	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025</i>			<i>120.097</i>	<i>120.097</i>	<i>120.097</i>			
(1)	Kè chống sạt lở thượng lưu cầu Trường Định, sông Cu Đê	36502	83/NQ-HĐND, 17/12/2021	120.097	120.097	120.097			
<b>II</b>	<b>Giao thông</b>			<b>143.155</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>			
	<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>			<b>143.155</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>143.155</b>	<b>100.000</b>	<b>100.000</b>			
-	<i>Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025</i>			<i>143.155</i>	<i>100.000</i>	<i>100.000</i>			
(1)	Đường giao thông nội thị quận Cẩm Lệ - giai đoạn 2	36754	83/NQ-HĐND, 17/12/2021	143.155	100.000	100.000			



Tỉnh Quảng Ngãi

Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>139.471</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>139.471</b>

Tỉnh Quảng Ngãi



**Phụ lục I.A**

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>139.471</b>
	Các hoạt động kinh tế	139.471
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>	<i>139.471</i>



Phụ lục II

**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BÓ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI - VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Quảng Ngãi

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú				
								TMĐT					Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:		
								Vốn đối ứng						Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)					Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
								Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số		Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số			Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
									NSTW	NSDP				Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại						
	<b>Tổng số</b>						553.998	105.348	105.348		448.650	139.471	309.179	139.471			139.471				
	<b>Quảng Ngãi</b>						553.998	105.348	105.348		448.650	139.471	309.179	139.471			139.471				
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						553.998	105.348	105.348		448.650	139.471	309.179	139.471			139.471				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						553.998	105.348	105.348		448.650	139.471	309.179	139.471			139.471				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						553.998	105.348	105.348		448.650	139.471	309.179	139.471			139.471				
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025						553.998	105.348	105.348		448.650	139.471	309.179	139.471			139.471				
(1)	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu	37968	ADB			Quyết định số 305/QĐ-TTg ngày 04/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ	553.998	105.348	105.348	19,32 triệu USD	448.650	139.471	309.179	139.471			139.471				



*Tỉnh Bình Định*

**Phụ lục I**

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>740.000</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>740.000</b>

Tỉnh Bình Định



Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>740.000</b>
	Các hoạt động kinh tế	740.000
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Giao thông</i>	<i>740.000</i>



Phụ lục II

**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI - VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Bình Định

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú				
							TMĐT						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:		
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		
								Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số				Trong đó	
									NSTW	NSDP		Tính bằng nguyên tệ								Đưa vào cân đối NSTW
	<b>Tổng số</b>						2.660.000	1.080.000	1.080.000		1.580.000	790.000	790.000	740.000		740.000				
	Bình Định						2.660.000	1.080.000	1.080.000		1.580.000	790.000	790.000	740.000		740.000				
I	Giao thông						2.660.000	1.080.000	1.080.000		1.580.000	790.000	790.000	740.000		740.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						2.660.000	1.080.000	1.080.000		1.580.000	790.000	790.000	740.000		740.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						2.660.000	1.080.000	1.080.000		1.580.000	790.000	790.000	740.000		740.000				
.	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025						2.660.000	1.080.000	1.080.000		1.580.000	790.000	790.000	740.000		740.000				
(1)	Phát triển hợp tác thích ứng - tỉnh Bình Định	37969	WB			2265/QĐ-TTg ngày 31/12/2021	2.660.000	1.080.000	1.080.000	68,4 triệu USD	1.580.000	790.000	790.000	740.000		740.000				



Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>25.324</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	25.324

Tỉnh Bình Thuận

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>25.324</b>
	Các hoạt động kinh tế	25.324
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>	25.324



Phụ lục II

**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI - VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Bình Thuận

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
							TMĐT					Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:	
							Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Tổng số	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW				
								NSTW	NSDP	Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt								
											Đưa vào cân đối NSTW			Vay lại					
	Tổng số					162.139	16.214	16.214		145.925	129.711	16.214	25.324		25.324				
	Bình Thuận					162.139	16.214	16.214		145.925	129.711	16.214	25.324		25.324				
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					162.139	16.214	16.214		145.925	129.711	16.214	25.324		25.324				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C					162.139	16.214	16.214		145.925	129.711	16.214	25.324		25.324				
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025					162.139	16.214	16.214		145.925	129.711	16.214	25.324		25.324				
-	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025					162.139	16.214	16.214		145.925	129.711	16.214	25.324		25.324				
(1)	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra	37962	WB			166/QĐ-TTg ngày 03/02/2021	162.139	16.214	16.214		145.925	129.711	16.214	25.324		25.324			



Tỉnh Đắk Nông

Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>412.473</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>412.473</b>



Phụ lục I.A

**BỘ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>412.473</b>
1	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp	228.582
2	Các hoạt động kinh tế	183.891
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>	<i>183.891</i>



**Phụ lục II**

**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN TRUNG HẠN CHO DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Tỉnh Đắk Nông

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú		
							TMDT						Tổng số	Trong đó:			Trong đó:				Tổng số	Trong đó:							
							Trong đó: vốn NSTW							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Quy đổi ra tiền Việt				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng						Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
								Tổng số	NSTW	NSDP	Tình bảng nguyên tệ																		
	<b>Tổng số</b>						1.309.312	409.691	197.034	212.657		899.621	786.342	113.279	252.644			252.644						412.473	665.117		665.117		
	<b>Đắk Nông</b>						1.309.312	409.691	197.034	212.657		899.621	786.342	113.279	252.644			252.644						412.473	665.117		665.117		
	Dự án không giải ngân theo cơ chế tài chính trong nước						1.309.312	409.691	197.034	212.657		899.621	786.342	113.279	252.644			252.644						412.473	665.117		665.117		
a	Giao dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						562.967	281.483	197.034	84.449		281.484	281.484		52.902			52.902						228.582	281.484		281.484		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						562.967	281.483	197.034	84.449		281.484	281.484		52.902			52.902						228.582	281.484		281.484		
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						562.967	281.483	197.034	84.449		281.484	281.484		52.902			52.902						228.582	281.484		281.484		
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						562.967	281.483	197.034	84.449		281.484	281.484		52.902			52.902						228.582	281.484		281.484		
(1)	Trường cao đẳng cộng đồng tỉnh Đắk Nông	3520	SA			300/QĐ-TTg ngày 25/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ	562.967	281.483	197.034	84.449		281.484	281.484		52.902			52.902						228.582	281.484		281.484		
b	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						746.345	128.208		128.208		618.137	504.858	113.279	199.742			199.742						183.891	383.633		383.633		
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						746.345	128.208		128.208		618.137	504.858	113.279	199.742			199.742						183.891	383.633		383.633		
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						229.630	22.669		22.669		206.961	175.917	31.044	49.742			49.742						8.950	58.692		58.692		
	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025						229.630	22.669		22.669		206.961	175.917	31.044	49.742			49.742						8.950	58.692		58.692		





Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>229.565</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>229.565</b>

Tỉnh Gia Lai

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>229.565</b>
	Các hoạt động kinh tế	229.565
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>	229.565





**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**  
**(VỐN NƯỚC NGOÀI - VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kính theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Tỉnh Gia Lai

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
							TMDT						Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Tinh bằng nguyên tệ	Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW				
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt								
									NSTW			NSDP		Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại					
	<b>Tổng số</b>						440.036	115.064	115.064		324.979	229.570	95.409	229.565		229.565				
	<b>Gia Lai</b>						440.036	115.064	115.064		324.979	229.570	95.409	229.565		229.565				
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						440.036	115.064	115.064		324.979	229.570	95.409	229.565		229.565				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						440.036	115.064	115.064		324.979	229.570	95.409	229.565		229.565				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						440.036	115.064	115.064		324.979	229.570	95.409	229.565		229.565				
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025						440.036	115.064	115.064		324.979	229.570	95.409	229.565		229.565				
(1)	Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai	37964	ADB			164/QĐ-TTg, ngày 08/02/2022	440.036	115.064	115.064	14031000	324.979	229.570	95.409	229.565		229.565				

Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>139.313</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>139.313</b>

Tỉnh Kon Tum



Phụ lục I.A

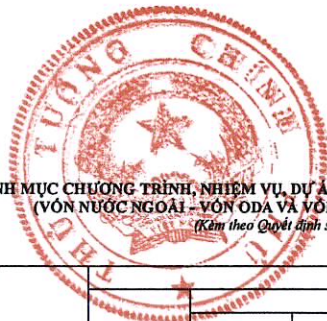
**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>139.313</b>
	Các hoạt động kinh tế	139.313
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>	<i>139.313</i>





Tỉnh Kon Tum

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**  
**(VỐN NƯỚC NGOÀI - VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú			
								TMĐT					Tổng số	Trong đó:			Trong đó:		
								Vốn đối ứng						Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
								Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW				
									NSTW	NSDP		Tổng số					Trong đó		
				Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại														
	<b>Tổng số</b>						321.072	75.262	75.262		245.810	174.141	71.669	139.313		139.313			
	<b>Kon Tum</b>						321.072	75.262	75.262		245.810	174.141	71.669	139.313		139.313			
<b>I</b>	<b>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</b>						321.072	75.262	75.262		245.810	174.141	71.669	139.313		139.313			
	<b>Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C</b>						321.072	75.262	75.262		245.810	174.141	71.669	139.313		139.313			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>						321.072	75.262	75.262		245.810	174.141	71.669	139.313		139.313			
(1)	Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Kon Tum	37967	ADB			306/QĐ-TTg ngày 04/3/2022	321.072	75.262	75.262	10664000	245.810	174.141	71.669	139.313		139.313			

Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>10.627.000</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (*)</b>	<b>10.627.000</b>

Ghi chú: (\*) Từ nguồn vốn điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí cho Bộ Giao thông vận tải theo Nghị quyết số 57/2022/QH15 của Quốc hội.

Thành phố Hồ Chí Minh



Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>10.627.000</b>
10	Các hoạt động kinh tế	10.627.000
-	<i>Giao thông</i>	<i>10.627.000</i>





**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ động XDCCB
	<b>Tổng số</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>10.627.000</b>			
	<b>Thành phố Hồ Chí Minh</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>10.627.000</b>			
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>10.627.000</b>			
	<b>Dự án quan trọng quốc gia</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>10.627.000</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>10.627.000</b>			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	38109	57/2022/QH15	75.378.000	38.741.000	10.627.000			

Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>856.000</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (*)</b>	<b>856.000</b>

Ghi chú: (\*) Từ nguồn vốn điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí cho Bộ Giao thông vận tải theo Nghị quyết số 57/2022/QH15 của Quốc hội.

Tỉnh Đồng Nai



**Phụ lục I.A**

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>856.000</b>
10	Các hoạt động kinh tế	856.000
-	<i>Giao thông</i>	<i>856.000</i>





**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ động XDCB
	<b>Tổng số</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>856.000</b>			
	<b>Đồng Nai</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>856.000</b>			
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>856.000</b>			
	<b>Dự án quan trọng quốc gia</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>856.000</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>856.000</b>			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	38110	57/2022/QH15	75.378.000	38.741.000	856.000			

*Tỉnh Bình Dương*

**Phụ lục I**

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>5.401.000</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>5.401.000</b>
<b>1</b>	Vốn trong nước <sup>(*)</sup>	4.266.000
<b>2</b>	Vốn nước ngoài	1.135.000

*Ghi chú: (\*) Từ nguồn vốn điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí cho Bộ Giao thông vận tải theo Nghị quyết số 57/2022/QH15 của Quốc hội.*

Tỉnh Bình Dương

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025		
		Tổng số	Trong đó	
			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>5.401.000</b>	<b>4.266.000</b>	<b>1.135.000</b>
10	Các hoạt động kinh tế	5.401.000	4.266.000	1.135.000
-	<i>Giao thông</i>	<i>4.266.000</i>	<i>4.266.000</i>	
-	<i>Bảo vệ môi trường</i>	<i>1.135.000</i>		<i>1.135.000</i>





Tỉnh Bình Dương

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ động XDCB
	<b>Tổng số</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>4.266.000</b>			
	<b>Bình Dương</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>4.266.000</b>			
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>4.266.000</b>			
	<b>Dự án quan trọng quốc gia</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>4.266.000</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>4.266.000</b>			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	38111	57/2022/QH15	75.378.000	38.741.000	4.266.000			



**Phụ lục III**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**  
**(VỐN NƯỚC NGOÀI - VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Tỉnh Bình Dương

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025					Ghi chú	
							TMBT					Tổng số	Trong đó:					
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW			
								Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ		Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số		
									NSTW	NSDP			Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW				Vay lại
										Tổng số	Trong đó:							
	Tổng số						7.240.682	1.886.056		1.886.056		5.354.625	1.606.388	3.748.238	1.135.000			1.135.000
	Bình Dương						7.240.682	1.886.056		1.886.056		5.354.625	1.606.388	3.748.238	1.135.000			1.135.000
I	Môi trường						7.240.682	1.886.056		1.886.056		5.354.625	1.606.388	3.748.238	1.135.000			1.135.000
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						7.240.682	1.886.056		1.886.056		5.354.625	1.606.388	3.748.238	1.135.000			1.135.000
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						7.240.682	1.886.056		1.886.056		5.354.625	1.606.388	3.748.238	1.135.000			1.135.000
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025						7.240.682	1.886.056		1.886.056		5.354.625	1.606.388	3.748.238	1.135.000			1.135.000
(1)	Cải thiện môi trường nước tỉnh Bình Dương	3555	WB			Số : 2130/QĐ-TTg ngày 17/12/2021	7.240.682	1.886.056		1.886.056	230.763.000 USD	5.354.625	1.606.388	3.748.238	1.135.000			1.135.000

Tỉnh Long An

Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.397.000</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (*)</b>	<b>1.397.000</b>

*Ghi chú: (\*) Từ nguồn vốn điều chỉnh giảm Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí cho Bộ Giao thông vận tải theo Nghị quyết số 57/2022/QH15 của Quốc hội.*



Tỉnh Long An

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn trong nước) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>1.397.000</b>
10	Các hoạt động kinh tế	1.397.000
-	<i>Giao thông</i>	<i>1.397.000</i>



**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN**  
**NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư		Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW		Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Thanh toán nợ động XDCB
	<b>Tổng số</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>1.397.000</b>			
	<b>Long An</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>1.397.000</b>			
<b>I</b>	<b>Giao thông</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>1.397.000</b>			
	<b>Dự án quan trọng quốc gia</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>1.397.000</b>			
<b>a</b>	<b>Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025</b>			<b>75.378.000</b>	<b>38.741.000</b>	<b>1.397.000</b>			
(1)	Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh	38112	57/2022/QH15	75.378.000	38.741.000	1.397.000			

Tỉnh Bến Tre

Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>206.000</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<i>206.000</i>



Tỉnh Bến Tre

Phụ lục I.A

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Ngành, lĩnh vực	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>206.000</b>
	Các hoạt động kinh tế	206.000
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>	206.000

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**  
**(VỐN NƯỚC NGOÀI - VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*



Tỉnh Bến Tre

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú			
							TMĐT						Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:	
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
								Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt		Tổng số	Trong đó					
									NSTW	NSDP		Tổng số								Đưa vào cân đối NSTW
	Tổng số						621.000	126.500	126.500		494.500	273.700	117.300	206.000		206.000				
	Bến Tre						621.000	126.500	126.500		494.500	273.700	117.300	206.000		206.000				
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						621.000	126.500	126.500		494.500	273.700	117.300	206.000		206.000				
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						621.000	126.500	126.500		494.500	273.700	117.300	206.000		206.000				
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						621.000	126.500	126.500		494.500	273.700	117.300	206.000		206.000				
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025						621.000	126.500	126.500		494.500	273.700	117.300	206.000		206.000				
(1)	Dự án phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Bến Tre	37960	IFAD			1996/QĐ-TTg ngày 26/11/2021; 2810/QĐ-UBND ngày 29/11/2021	621.000	126.500	126.500	21,5 triệu USD	494.500	273.700	117.300	206.000		206.000				

Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>364.011</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>364.011</b>





**Phụ lục I.A**

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>364.011</b>
	Các hoạt động kinh tế	364.011
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>	<i>364.011</i>

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**  
**(VỐN NƯỚC NGOÀI - VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Tỉnh Trà Vinh

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025			Ghi chú					
							TMDT						Tổng số	Trong đó:							
							Trong đó:							Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW				
								Tổng số	NSTW		NSDP	Tổng số						Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại		
	<b>Tổng số</b>						853.300	128.800	128.800		724.500	418.600	179.400	364.011		364.011					
	Trà Vinh						853.300	128.800	128.800		724.500	418.600	179.400	364.011		364.011					
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						853.300	128.800	128.800		724.500	418.600	179.400	364.011		364.011					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						853.300	128.800	128.800		724.500	418.600	179.400	364.011		364.011					
II	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						853.300	128.800	128.800		724.500	418.600	179.400	364.011		364.011					
-	Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025						853.300	128.800	128.800		724.500	418.600	179.400	364.011		364.011					
(1)	Dự án phát triển chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh thích ứng biến đổi khí hậu tại tỉnh Trà Vinh	37961	IFAD			1996/QĐ-TTg, 26/11/2021; 2825/QĐ-UBND, 03/12/2021	853.300	128.800	128.800	31,5 triệu USD	724.500	418.600	179.400	364.011		364.011					

Tỉnh Cà Mau

Phụ lục I

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>9.543</b>
<b>I</b>	<b>VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</b>	<b>9.543</b>



Tỉnh Cà Mau



**Phụ lục I.A**

**BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025  
PHÂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC**

*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Ngành, lĩnh vực	Kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) giai đoạn 2021-2025
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>9.543</b>
	Các hoạt động kinh tế	9.543
	<i>Trong đó</i>	
-	<i>Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản</i>	9.543



**Phụ lục II**  
**DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG**  
**(VỐN NƯỚC NGOÀI - VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**  
*(Kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)*

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư					Kế hoạch trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025				Ghi chú				
								TMDT								Tổng số		Trong đó:			
								Trong đó:										Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW
								Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)						Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		
								Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt								
NSTW	NSĐP	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại																		
	Tổng số						9.543					9.543	9.543			9.543					
	Cà Mau						9.543					9.543	9.543			9.543					
I	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						9.543					9.543	9.543			9.543					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						9.543					9.543	9.543			9.543					
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						9.543					9.543	9.543			9.543					
-	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025						9.543					9.543	9.543			9.543					
(1)	Dự án đầu tư nâng cấp và cải thiện công trình cấp nước sạch nông thôn xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau	37965	MLCSF			2410/QĐ-UBND ngày 08/11/2021; 256/QĐ-SXD ngày 16/11/2021	9.543			414.900 USD		9.543	9.543			9.543					